TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 01 năm 2023
V/v "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Nhất
Ông Hoàng Văn Tuân

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc " Không công nhận quan hệ là vợ chồng" theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/12/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số 15, hẻm 70, ngách 188/35 phố Tư Đình, phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Hội (có đơn xin xử vắng mặt)

**Bị đơn:* Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số nhà 04, ngách 6, ngõ 50, đường Hồ Công Dự, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Văn D trình bày:

Ông Hoàng Văn D chung sống với bà Đặng Thị Đ từ năm 2000. Trước khi hai người chung sống với nhau được tự do tìm hiểu và tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy Đ của pháp luật, tình cảm ban đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc.

Trong quá trình chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung trong gia đình thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau, mâu thuẫn

đã được người thân khuyên giải nhưng không đem lại kết quả, hiện hai người đã sống ly thân nhau từ năm 2010.

Nay ông nhận thấy tình cảm giữa ông và bà Đặng Thị Đ không còn thương yêu nhau, đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông và bà Đặng Thị Đ là vợ chồng.

Về con chung là: Hoàng Bảo Thi, sinh ngày 08/8/2007, hiện đang chung sống cùng bà Đ, cuộc sống của con chung vẫn được đảm bảo, ông đồng ý để bà Đ nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung không đề nghị Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 21/12/2022 bị đơn bà Đặng Thị Đ trình bày:*

Bà và ông Hoàng Văn D chung sống với nhau từ năm 2000. Trước khi hai người chung sống với nhau được tự do tìm hiểu, tự nguyện và tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy Đ của pháp luật, tình cảm ban đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh trầm trọng từ năm 2010, nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau, đã được người thân khuyên giải nhưng không đem lại kết quả, hai người đã sống ly thân nhau từ năm 2010.

Nay bà nhận thấy tình cảm giữa bà và ông D không còn thương yêu nhau, nên bà đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông Hoàng Văn D là vợ chồng.

Về con chung là: Hoàng Bảo Thi, sinh ngày 08/8/2007, hiện đang chung sống cùng với bà, cuộc sống của con chung vẫn được đảm bảo, bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung không đề nghị Toà án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy Đ của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy Đ của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang không tham gia phiên tòa.

NHẬN Đ CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Hoàng Văn D, bị đơn bà Đặng Thị Đ đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn tại phiên toà.

[2] Xét quan hệ hôn nhân thì thấy: Ông Hoàng Văn D và bà Đặng Thị Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay nhưng không đi

đăng ký kết hôn theo quy Đ của pháp luật, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn D và bà Đặng Thị Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến năm 2010, trước khi chung sống với nhau hai người được tự do tìm hiểu, tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, nhưng không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tình cảm ban đầu chung sống hòa thuận. Tuy nhiên trong thời gian chung sống ông D và bà Đ cũng không đi đăng ký kết hôn theo Nghị Đ số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 về việc khuyến khích đăng ký kết hôn, đến năm 2010 thì giữa ông D và bà Đ đã không chung sống với nhau nữa, nên quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà Đ không được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy Đ của Luật Hôn nhân và gia đình, nay ông D đề nghị Toà án giải quyết không công nhận giữa ông D và bà Đ là vợ chồng và giải quyết về con chung chưa trưởng thành, bà Đ đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D, ngoài ra các đương sự không có yêu cầu gì khác. Xét thấy yêu cầu của ông D là phù hợp với quy Đ tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội và hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT -TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp và Điều 14, 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

[4] Về con chung: Ông Hoàng Văn D và bà Đặng Thị Đ có con chung là Hoàng Bảo Thi, sinh ngày 08/8/2007, hiện đang sống cùng bà Đ cuộc sống vẫn được đảm bảo, bà Đ có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông D đồng ý. Tại bản tự khai của con chung ngày 21/12/2022 có nguyện vọng được sống cùng bà Đ, về điều kiện nuôi dưỡng con chung của bà Đ được đảm bảo, nên giao con chung cho bà Đ nuôi dưỡng là phù hợp với quy Đ của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về phần tài sản chung và công nợ chung, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy Đ của pháp luật.

[7].Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy Đ tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Ngọc D

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hoàng Văn D và bà Đặng Thị Đ.

2. Về con chung: Giao cho bà Đặng Thị Đ nuôi dưỡng con chung Hoàng Bảo Thi, sinh ngày 08/8/2007.

Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Hoàng Văn D là người cao tuổi, được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết Đ được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6; 7, 7^a, 7^b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bắc Giang;
- CCTHA-DS TP Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Văn Tú